

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn
đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

Thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chủ động thích ứng hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; giảm phát thải khí nhà kính theo mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, đóng góp tích cực và trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; tận dụng cơ hội từ ứng phó biến đổi khí hậu để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thích ứng với biến đổi khí hậu

Giảm mức độ dễ bị tổn thương và rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu thông qua nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu.

- Đến năm 2030:

Kiểm soát được tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng. Bảo đảm 100% hồ chứa lớn được kiểm soát, giám sát để duy trì dòng chảy tối thiểu của các lưu vực sông; 85% lưu vực sông chính của tỉnh có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến. Có từ 50% trở lên diện tích vùng biển Quảng Bình được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỉ lệ bản đồ 1:500.000 và điều tra tỉ lệ lớn ở một số vùng biển có tính đa dạng sinh học cao và tiềm năng về khoáng sản.

Chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo.

Xử lý 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ đối với các cơ sở, nhà máy, xí nghiệp, ... gây ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh; 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu

gom, xử lý; phần đầu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 30% tổng lượng chất thải được thu gom; 100% chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom, xử lý. Hoàn thành nhà máy xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới và khu công nghiệp Bắc Đồng Hới; 65% tổng lượng nước thải tại thành phố Đồng Hới và 40% tại các khu đô thị của các huyện, thị xã được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường.

Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, di-ô-xin; 95% dân số đô thị được sử dụng nước sạch; 65% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày.

Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu; phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng.

Bảo đảm độ che phủ rừng được duy trì ở mức 78%; 01 khu dự trữ sinh quyển được thành lập và công nhận. Tăng diện tích các khu đất ngập nước quan trọng được bảo vệ; có ít nhất 29 loài động vật quý hiếm, nguy cấp được đưa vào chương trình bảo vệ.

Các công trình hạ tầng trọng yếu thích ứng với biến đổi khí hậu được hoàn thành với các tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, ngăn triều cường, xâm nhập mặn, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập úng ở khu vực đô thị.

Tự động hóa đạt trên 95% đối với các trạm khí tượng, trạm đo mực nước, đo mưa, đo gió trên cao, tối thiểu 40% đối với các trạm đo lưu lượng; phát triển mạng lưới trạm khí tượng hải văn tự động, ưu tiên khu vực biển ven bờ; 100% công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn được thực hiện quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật.

- Đến năm 2050:

Quản lý hiệu quả tài nguyên nước và đất, cải thiện chất lượng môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm vững chắc an ninh tài nguyên nước địa phương. Tiếp tục phát triển nền nông nghiệp thông minh hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị gia tăng cao.

Giữ vững độ che phủ rừng ổn định ở mức 78% và đảm bảo lâm phần rừng của địa phương; nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững; các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài nguy cấp, nguồn gen quý, hiếm được phục hồi, bảo tồn hiệu quả; đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái được lượng giá đầy đủ, sử dụng bền vững và mang lại lợi ích thiết yếu cho mọi người dân, góp phần bảo đảm an ninh sinh thái.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được phát triển đồng bộ, hiện đại thích ứng hiệu quả với nước biển dâng và tác động của biến đổi khí hậu. Bảo

đảm 100% dân số được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 97% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; 100% khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh có nhà máy xử lý nước thải tập trung; mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Khả năng chống chịu của các công trình phòng chống thiên tai được nâng cao, đảm bảo an toàn trước thiên tai theo mức thiết kế có tính đến tác động của biến đổi khí hậu.

Mọi người dân được bảo đảm an toàn trước thiên tai và các rủi ro khí hậu; 100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở đảm bảo an toàn.

b) Giảm phát thải khí nhà kính

- Đến năm 2030, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính của Quảng Bình giảm 30% so với kịch bản phát triển thông thường (BAU). Trong đó: Lĩnh vực năng lượng giảm 22,5%, lượng phát thải không vượt quá 315 triệu tấn CO₂ tương đương (CO₂td); lĩnh vực nông nghiệp giảm 29,7%, lượng phát thải không vượt quá 44 triệu tấn CO₂td; lĩnh vực lâm nghiệp, sử dụng đất giảm 48% lượng phát thải và tăng 13,7% lượng hấp thụ các-bon, tổng lượng phát thải và hấp thụ đạt ít nhất -65,5 triệu tấn CO₂td; lĩnh vực chất thải giảm 41,9%, lượng phát thải không vượt quá 12,4 triệu tấn CO₂td; lĩnh vực các quá trình công nghiệp giảm 26,4%, lượng phát thải không vượt quá 59,3 triệu tấn CO₂td. Các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 2.000 tấn CO₂td trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

- Đến năm 2050, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính của Quảng Bình đạt mức phát thải ròng bằng “0”; lượng phát thải đạt đỉnh vào năm 2035, sau đó giảm nhanh. Trong đó: Lĩnh vực năng lượng giảm 63,1%, lượng phát thải không vượt quá 69,6 triệu tấn CO₂td; lĩnh vực nông nghiệp giảm 43,51%, lượng phát thải không vượt quá 38,6 triệu tấn CO₂td; lĩnh vực lâm nghiệp, sử dụng đất giảm 62% lượng phát thải, tăng 20,7% lượng hấp thụ các-bon, tổng lượng phát thải và hấp thụ đạt ít nhất -127,6 triệu tấn CO₂td; lĩnh vực chất thải giảm 62,5%, lượng phát thải không vượt quá 5,5 triệu tấn CO₂td; lĩnh vực các quá trình công nghiệp giảm 84,8%, lượng phát thải không vượt quá 20 triệu tấn CO₂td. Các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 200 tấn CO₂td trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, đảm bảo sinh kế bền vững

- Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên

Tập trung bảo vệ nguồn tài nguyên nước. Xây dựng Kế hoạch quản lý tài nguyên nước và các lưu vực sông; xác định các khu vực cần bảo vệ nghiêm

ngặt, quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước ngầm; phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; tăng cường các giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, chú trọng các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước, chịu tác động bất lợi của xâm nhập mặn. Bảo đảm an ninh tài nguyên nước. Từ nay đến năm 2030 tập trung kiểm soát tốt tình trạng suy thoái, cạn kiệt tài nguyên nước; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước theo hướng tổng hợp thống nhất nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các ngành, cải thiện chất lượng môi trường, giảm thiểu tác động và phòng chống thiên tai do nước gây ra phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp. Thúc đẩy phát triển đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất theo mô hình tuần hoàn, bảo đảm quỹ đất cho phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải rắn. Tăng cường các giải pháp cải tạo, bảo vệ môi trường đất, nước và đa dạng sinh học, đặc biệt đối với đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất, ô nhiễm đất. Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo đảm phòng, chống sạt lở, sụt lún, suy thoái nước ngầm, xâm thực biển.

- Nông nghiệp và an ninh lương thực

Xây dựng một nền nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị gia tăng cao; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp địa phương; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu ở địa phương.

Từ nay đến năm 2030, tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng; quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và các tiến bộ khoa học; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển nông nghiệp bền vững phải dựa vào lợi thế tự nhiên của địa phương và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao; chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản.

- Rừng và các hệ sinh thái

Quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn, rừng ven biển; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng; quản lý bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái; tăng cường sự tham gia của

cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng nhằm cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp. Quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Từ nay đến năm 2030, tập trung bảo vệ và hạn chế tối đa chuyển đổi rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên; đẩy mạnh phục hồi và nâng cao chất lượng và khả năng phòng hộ của rừng ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn; củng cố và kiện toàn hệ thống giám sát, đánh giá và ứng phó khẩn cấp với cháy rừng; tăng tỷ lệ cây xanh tại các đô thị. Thiết lập và mở rộng hoạt động của khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; thực hiện kiểm kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học.

- Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu

Thực hiện đánh giá tác động, mức độ dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trong quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư, khu tái định cư trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, chú trọng các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, công trình liên vùng; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của các ngành. Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư; phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển, trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái, di tích lịch sử văn hóa; chống ngập lụt cho đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Từ nay đến năm 2030, ưu tiên xây dựng các công trình xanh và phát triển cây xanh đô thị, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ, triều cường, nước dâng do bão cho các khu vực đô thị, đô thị ven biển; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ, hệ thống giao thông kết nối liên vùng. Hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, ngăn triều cường, xâm nhập mặn, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập lụt cho đô thị. Xây dựng mới một số hồ chứa đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, đảm bảo hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Y tế và sức khỏe

Tăng cường các giải pháp cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, miền núi, ven biển đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn. Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường; đầu tư phát triển công nghệ, trang thiết bị

trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu. Xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Từ nay đến năm 2030, tập trung tăng cường hệ thống cơ sở hạ tầng cấp nước và năng lực cung cấp nước sạch cho dân cư, đặc biệt là dân cư vùng nông thôn; phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương, các vùng dân tộc ít người; tăng cường hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe.

- Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới

Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ, hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân, đặc biệt ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai.

Từ nay đến năm 2030, tăng cường vai trò, năng lực và sự tham gia của phụ nữ và thanh thiếu niên trong hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai; đẩy mạnh các phong trào, hoạt động nâng cao nhận thức, kiến thức cho thanh thiếu niên về biến đổi khí hậu và các giải pháp trong phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu

- Dự báo và cảnh báo sớm

Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng, nhất là đối với bão, mưa, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển.

Dự báo khí tượng thủy văn hàng ngày trong điều kiện bình thường có độ tin cậy đạt 90%.

Nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai; ứng dụng các công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, dự báo dựa trên tác động; nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ khí hậu và cung cấp thông tin phục vụ phòng chống thiên tai.

Từ nay đến năm 2030, tập trung phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và thiên tai. Năng lực giám sát biến đổi khí hậu được nâng cao; đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ khí hậu cơ bản. Xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, theo dõi, giám sát khí hậu cực đoan, ưu tiên đối với hệ thống đo mưa tự động. Hoàn thành đánh giá, phân vùng rủi ro khí hậu, thiên tai và lập bản đồ cảnh báo thiên tai; xây dựng và

hoàn thiện cơ sở dữ liệu của địa phương liên thông kết nối với dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu.

- Công trình phòng chống thiên tai

Thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, giảm thiểu những rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu, chú trọng các vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của bão, lũ, lũ ống, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, hạn hán; phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển, nước biển dâng. Xây dựng và nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai tại những vùng thường xuyên xảy ra bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.

Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển và các công trình thủy lợi, thủy điện bảo đảm chủ động phòng, chống lũ, bão theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập, đê sông, đê biển. Xây dựng, nâng cấp khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão theo quy hoạch, gắn kết với dịch vụ hậu cần, thông tin nghề cá. Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, uy hiếp nghiêm trọng công trình đê điều, khu tập trung dân cư và cơ sở hạ tầng quan trọng; kết hợp các giải pháp công trình và phi công trình, đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường và tối ưu hóa nguồn lực phát triển. Tăng cường năng lực phòng chống lũ quét, sạt lở đất, phòng chống bão, phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan; phòng chống tác hại của hạn hán, triều cường và xâm nhập mặn.

- Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân trước tác động của biến đổi khí hậu

Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, nước dâng do bão, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở, sụt lún đất, tai biến địa chất; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro.

Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp với sơ tán nhằm bảo đảm an toàn cho người dân. Nâng cao năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

2. Về giảm phát thải khí nhà kính

a) Nhiệm vụ chung về giảm phát thải khí nhà kính

- Đến năm 2030:

Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030 giảm 20,7% mức phát thải khí mê-tan so với năm 2020. Xây dựng và

thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2030. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hàng năm từ 2.000 tấn CO₂đ trở lên từ năm 2022. Khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính. Xây dựng tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính từ năm 2026.

- Đến năm 2050:

Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2050 giảm 27,6% mức phát thải khí mê-tan so với năm 2030. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2050. Tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hàng năm từ 2.000 tấn CO₂đ trở lên từ năm 2030; 500 tấn CO₂đ trở lên từ năm 2040; 200 tấn CO₂đ trở lên từ năm 2050. Mọi cơ sở thuộc khu vực công phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính.

Thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động hằng ngày trở thành vấn đề đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của các tổ chức, doanh nghiệp.

b) Giảm phát thải khí nhà kính theo lĩnh vực

- Lĩnh vực năng lượng

+ Về cung cấp năng lượng:

Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển năng lượng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các giải pháp công nghệ đột phá trong tương lai đồng thời bảo đảm an ninh năng lượng.

Tiếp tục phát triển các nhà máy thủy điện nhỏ có chọn lọc, đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; mở rộng một số thủy điện vừa để phát huy tối đa hiệu quả của thủy điện. Nâng công suất các nhà máy điện mặt trời tập trung, điện mặt trời mái nhà, điện gió trên bờ, điện gió ngoài khơi, điện sinh khối, phát triển các công nghệ nhiên liệu hydro, amoniac, công nghệ năng lượng thủy triều, sóng biển. Đến năm 2030, tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo bao gồm thủy điện, điện gió, điện mặt trời, sinh khối chiếm ít nhất 33% tổng sản lượng điện phát. Đến năm 2050, tỷ lệ nguồn năng lượng tái tạo chiếm ít nhất 55% trong tổng sản lượng điện phát.

Chuyển đổi dần điện than sang các nguồn năng lượng sạch hơn; giảm tỷ trọng các nguồn nhiên liệu hóa thạch, không phát triển các dự án nhiệt điện than

mới sau năm 2030, giảm dần quy mô công suất điện than sau năm 2035; từng bước áp dụng công nghệ chuyển đổi sang nhiên liệu sạch, không phát thải đối với các nhà máy sử dụng nhiên liệu hóa thạch, tiến tới giảm tối đa lượng nhiên liệu hóa thạch cho phát điện vào năm 2050.

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thu giữ, lưu trữ các bon (CCS) cho các nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch và các cơ sở sản xuất công nghiệp.

+ Về sử dụng năng lượng:

Tăng cường thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và thúc đẩy chuyển sang sử dụng năng lượng sạch trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ, thương mại và dân dụng.

Xây dựng công trình, nhà ở chống nắng nóng, sử dụng các giải pháp làm mát xanh, dựa vào tự nhiên để giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị, sử dụng vật liệu ít phát thải khí nhà kính, vật liệu tái chế. Đẩy mạnh giải pháp hiệu quả năng lượng và mô hình kinh doanh sáng tạo cho các thiết bị làm mát và điều hòa không khí, hệ thống chiếu sáng thông minh.

Sử dụng hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải thông qua áp dụng các tiêu chuẩn tiêu hao nhiên liệu và định mức phát thải. Xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi sang sử dụng nhiên liệu sạch cho các phương tiện giao thông; tăng dần tỷ lệ phương tiện giao thông điện, hydro, phát triển hệ thống hạ tầng giao thông xanh.

Tái cơ cấu thị trường vận tải, bao gồm chuyển đổi từ vận tải đường bộ sang đường thủy nội địa và ven biển; chuyển đổi từ vận tải đường bộ sang đường sắt, tăng lưu lượng vận tải hàng hóa đường sắt.

- Lĩnh vực nông nghiệp

Áp dụng các biện pháp giảm phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua các biện pháp quản lý, đổi mới công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi, thay đổi phương thức sử dụng đất, phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp phát thải thấp và chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

Phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, quản lý cây trồng tổng hợp, tăng diện tích canh tác được tưới tiết kiệm, tưới thông minh cho canh tác lúa nước và cây dài ngày; chuyển đổi mô hình canh tác nông nghiệp theo hướng phát thải thấp; cải thiện khâu phân thức ăn trong chăn nuôi.

Tái sử dụng phế phụ phẩm trồng trọt và xử lý chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ, tạo khí sinh học; áp dụng biện pháp bón phân compost và giảm phân hoá học; thay thế phân urê bằng các loại phân bón phát thải thấp.

Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp nhằm giảm phát thải khí mê-tan từ canh tác lúa và chăn nuôi. Giảm thất thoát lương thực sau thu hoạch và phát thải liên quan thông qua cải thiện hậu cần nông nghiệp và phát triển chuỗi lạnh bền vững.

- Lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất

Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có ở vùng đồi núi và ven biển nhằm kiểm soát nghiêm ngặt chuyển đổi rừng, mất rừng và suy thoái rừng để giảm phát thải khí nhà kính. Trồng mới rừng phòng hộ, rừng đặc dụng bằng các loài cây bản địa để tăng cường hấp thụ các-bon. Nâng cao chất lượng, trữ lượng các-bon rừng tự nhiên nghèo thông qua trồng bổ sung, làm giàu rừng nhằm tăng hấp thụ các-bon.

Nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng để tăng hấp thụ các-bon và giảm phát thải thông qua áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi rừng trồng chu kỳ ngắn sang rừng trồng chu kỳ dài; giảm khai thác gỗ rừng trồng cho sản xuất gỗ dăm.

Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng để giảm phát thải từ kiểm soát mất rừng và suy thoái rừng, cháy rừng và đốt sinh khối; tăng hấp thụ khí nhà kính thông qua tăng chất lượng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái. Phát triển, nhân rộng các mô hình nông - lâm kết hợp thông qua trồng bổ sung cây lâm nghiệp, cây gỗ để tăng hấp thụ các-bon và chống suy thoái đất, ưu tiên các vùng đất dốc.

- Lĩnh vực chất thải

Triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải.

Phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn. Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải rắn gồm: chôn lấp có thu gom khí (LFG), chôn lấp bán hiếu khí; sản xuất phân compost từ chất thải hữu cơ; đốt chất thải rắn để phát điện; sản xuất viên nén nhiên liệu từ chất thải rắn.

Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải, nước thải nhằm giảm phát thải khí mê-tan.

- Lĩnh vực các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm công nghiệp

Cải tiến, phát triển và ứng dụng công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng; phát triển và sử dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh trong lĩnh vực nhà ở và thương mại. Thay than đá bằng khí tự nhiên trong sản xuất gạch ốp lát; sử dụng vật liệu thay thế trong sản xuất kính. Thực hiện các giải pháp nghiền xi lò thổi, nghiền tro bay, nghiền Puzzolana và nghiền đá vôi thay thế, giảm tỷ lệ clinker trong sản xuất xi măng. Áp dụng công nghệ thu giữ các-bon trong các lĩnh vực sản xuất xi măng.

Giảm dần sử dụng các môi chất lạnh Hydro-cloro-fluoro-carbon (HCFC) và Hydro-fluoro-carbon (HFC) trong chuỗi lạnh, hệ thống lạnh và điều hòa không khí tòa nhà; nâng cao hiệu quả làm lạnh, giảm nhu cầu làm mát và tiêu hao môi chất lạnh thông qua các giải pháp thiết kế tòa nhà và làm mát thụ động; thúc đẩy việc thu hồi, tái sử dụng, tiêu hủy, tái chế môi chất lạnh và tiến tới sử dụng môi chất lạnh có tiềm năng nóng lên toàn cầu (GWP) thấp.

3. Rà soát hoàn thiện cơ chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách tăng cường quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu

- Rà soát, góp ý đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia phù hợp với mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giai đoạn 2021 - 2030 phù hợp với các mục tiêu Chiến lược về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính; hạn chế khai thác và xuất khẩu gỗ.

- Hoàn thiện các quy định quản lý hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; thiết lập, vận hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp ngành và cấp tỉnh đối với các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu; đánh giá hiệu quả các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Tích hợp nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính vào quy hoạch phát triển đô thị nhằm giảm nhu cầu năng lượng, tài nguyên và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của địa phương.

- Xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư giảm phát thải trong các lĩnh vực; các chính sách thương mại và phát triển thúc đẩy phát triển bền vững; sản xuất và tiêu dùng hàng hóa bền vững và không làm mất rừng và suy thoái rừng; nông nghiệp bền vững, thúc đẩy an ninh lương thực và tránh gây hại cho môi trường.

b) Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

- Đa dạng hóa phương thức thông tin, khai thác các lợi thế của công nghệ số, nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về dự báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai cho cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức, hộ gia đình.

- Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông cấp tỉnh, tổ chức các lớp tập huấn cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, phổ biến, cập nhật kiến thức, thông tin về thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính hướng tới phát thải ròng bằng “0”, thông tin về công nghệ của tương lai và các kỹ năng có liên quan; hướng dẫn, phổ biến kiến thức, tập huấn kỹ năng về phòng, chống thiên tai, nhất là kỹ năng ứng phó khi có tình huống thiên tai nghiêm trọng, phức tạp.

- Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương, tuyên truyền, nhân rộng các hoạt động, mô hình ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch, thích ứng với biến đổi khí hậu và ít phát thải khí nhà kính, mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình cộng đồng giảm phát thải khí nhà kính.

- Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng, trong phát triển rừng và lâm nghiệp bền vững, phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn, mô hình sinh kế dựa vào cộng đồng, dựa vào tự nhiên và các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu đồng thời tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học.

c) Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

- Tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp trong tiếp cận, tham gia triển khai các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon.

- Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức về kiểm kê khí nhà kính, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon, bảo vệ tầng ô-dôn, thích ứng với biến đổi khí hậu đáp ứng yêu cầu quản lý và phù hợp với lộ trình, quy định trong nước và các điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam là thành viên.

d) Phát triển khoa học và công nghệ

- Rà soát, góp ý cơ chế, chính sách liên quan đến thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá nhu cầu công nghệ giảm phát thải khí nhà kính; xây dựng danh mục công nghệ sạch, phát thải ít các-bon trong các ngành sản xuất để thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ và huy động đầu tư.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, ưu tiên tập trung vào công nghệ cao, công nghệ mới, hiện đại trong chuyển đổi sản xuất năng lượng theo hướng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; sử dụng nhiên liệu, vật liệu mới ít phát thải, thân thiện khí hậu; xử lý chất thải; thu giữ, chôn lấp các-bon; quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên; phát triển, ứng dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới, lưu trữ năng lượng; tiếp thu, ứng dụng, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Lồng ghép nghiên cứu các giải pháp ứng dụng công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện tỉnh Quảng Bình.

đ) Huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu

- Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi để thu hút các dòng vốn đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, người dân thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng cộng đồng phát thải thấp, quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với phát triển sinh kế bền vững.

- Xây dựng quy trình phân bổ ngân sách nhà nước và lập kế hoạch đầu tư công, kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước bảo đảm phân bổ và sử dụng hiệu quả các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vay ưu đãi để thực hiện các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với phát triển kinh tế - xã hội và giảm phát thải khí nhà kính.

- Xây dựng, áp dụng chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, cơ chế và các công cụ kinh tế nhằm khơi thông nguồn lực xã hội, huy động hiệu quả nguồn lực tài chính của khối doanh nghiệp cho ứng phó biến đổi khí hậu và huy động nguồn lực từ các Dự án đầu tư hỗ trợ về sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu từ vốn hợp pháp nước ngoài; xác định các chương trình, dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao và đóng góp thực hiện mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu để doanh nghiệp thực hiện thông qua các hình thức hợp tác giữa nhà nước và doanh nghiệp, giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, ưu tiên các dự án áp dụng công nghệ, giải pháp chuyển đổi sử dụng từ năng lượng hoá thạch sang năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất năng lượng.

- Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục, thu hút các dòng vốn đầu tư, các dòng tài chính xanh của các định chế tài chính, tổ chức tín dụng quốc tế; thu hút các tập đoàn quốc tế, tập đoàn đa quốc gia hợp tác thực hiện các dự án, đặc biệt là các dự án chuyển đổi sản xuất và tiêu thụ năng lượng trên địa bàn tỉnh.

e) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu

Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính có tiềm năng như thu và lưu trữ các-bon, phát triển năng lượng hydro xanh, pin năng lượng, năng lượng hạt nhân và các nguồn năng lượng mới có tiềm năng khác; thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; dự báo, cảnh báo và có giải pháp ứng phó phù hợp với tác động xuyên biên giới của các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu trên thế giới. Định kỳ cập nhật và triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định, Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu của địa phương và các báo cáo về biến đổi khí hậu.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương xác định các chương trình, dự án, nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để thực hiện cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” theo từng

giai đoạn cụ thể, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Hướng dẫn lồng ghép, tích hợp nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển.

- Tổ chức xây dựng và ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu theo định kỳ 10 năm cấp tỉnh; tích hợp lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp vào nội dung quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Tổ chức đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở phát thải khí nhà kính đóng trên địa bàn.

- Tổ chức triển khai và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch theo thẩm quyền; ưu tiên bố trí ngân sách cho các hoạt động triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, đào tạo, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương.

- Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá và định kỳ hàng năm trước ngày 31 tháng 12, báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương rà soát, cập nhật các chiến lược, quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp với các mục tiêu đề ra.

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh phối hợp rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về đầu tư; quy định quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài để tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục, tạo thuận lợi để đưa các dòng vốn đầu tư phát triển, các dòng tài chính xanh của các định chế tài chính, tổ chức tín dụng quốc tế vào Việt Nam.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn thuộc nhiệm vụ chỉ đầu tư phát triển khi cân đối được nguồn cho các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; vận động và điều phối các nguồn tài trợ trong và ngoài nước để thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan rà soát, điều chỉnh, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt các chính sách về tài chính, đầu tư, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Căn cứ theo quy định pháp luật, cân đối, bố trí ngân sách nhà nước, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Kế hoạch.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn của tổ chức, cá nhân, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, thực hiện theo phân cấp nhà nước hiện hành. Các sở, ban, ngành và địa phương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch để xây dựng các dự án đầu tư hoặc dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ cụ thể và thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

- Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ giao cho các sở, ngành, địa phương trong các chương trình mục tiêu khác có liên quan.

Yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động đề xuất, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT, TDNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

4. Các Sở: Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng

- Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ngành phù hợp với các mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính; xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

- Tăng cường năng lực triển khai kết quả tham dự Hội nghị COP26 trên địa bàn tỉnh. Góp ý hoàn thiện các quy định, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật về kiểm kê khí nhà kính, hệ thống “đo đạc, báo cáo, thẩm định” hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở.

- Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở và xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hai năm một lần cho năm 2024 trở đi theo quy định của pháp luật.

5. Các sở, ban, ngành khác có liên quan

- Tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch theo thẩm quyền, bảo đảm thống nhất, đồng bộ; ưu tiên bố trí ngân sách cho các hoạt động triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tích hợp mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp vào kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tổ chức hội thảo, trao đổi học hỏi kinh nghiệm, tập huấn về ứng phó với biến đổi khí hậu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính và tham gia các chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, đào tạo, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình, các tổ chức chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tham gia vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện Kế hoạch.

8. Khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, các tổ chức trong nước và quốc tế trong việc phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và chủ động thực hiện, đề xuất các sáng kiến thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, tham gia vào quá trình triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.



PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN

(Kèm theo Kế hoạch số ~~186~~ KH-UBND ngày ~~07~~ tháng ~~10~~ năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện (năm)
1	Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2022 - 2030
2	Đo đạc điều tra khảo sát địa hình lòng dẫn các hệ thống sông chính trên địa bàn tỉnh và các khu vực xói lở, bồi lấp nghiêm trọng do ảnh hưởng của thiên tai, lũ quét, sạt lở đất để phục vụ số liệu đầu vào cho các mô hình dự báo phòng chống thiên tai; kiểm tra duy tu, bảo dưỡng các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng, xây dựng các hạng mục bảo vệ tránh việc lấn chiếm, phá hoại gây hư hỏng các thiết bị phục vụ cho công tác quan trắc khí tượng thủy văn của tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường/ Đài Khí tượng thủy văn/ Văn phòng BCH phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kiêm BCH phòng thủ dân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành và địa phương	2022 - 2025
3	Xây dựng Đề án truyền thông, nâng cao nhận thức về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu cho cơ quan quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2022 - 2025
4	Xây dựng, tích hợp, cập nhật dữ liệu hàng năm cho bản đồ số cảnh báo rủi ro thiên tai vào Website Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kiêm BCH phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Bình	Văn phòng BCH phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kiêm BCH phòng thủ dân sự tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn chuyên dùng liên thông với cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh và kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đài Khí tượng thủy văn tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030
6	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2022 - 2025

7	Xây dựng và thực hiện Đề án tăng cường năng lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho mạng lưới trạm quan trắc, dự báo, cảnh báo và thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030
8	Duy trì và lắp đặt các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng theo Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh về Phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường/Văn phòng BCH phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kiêm BCH phòng thủ dân sự tỉnh/Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh	Các sở, ban, ngành và địa phương	Thường xuyên
9	Cập nhật, đánh giá và phân vùng chỉ tiết rủi ro thiên tai khí tượng thủy văn; đánh giá và cập nhật báo cáo khí hậu tỉnh Quảng Bình; Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2022 - 2030
10	Điều tra, khảo sát, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến thiên tai, tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống, hoạt động kinh tế - xã hội và các vấn đề liên ngành, liên vùng; đánh giá các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu đối với phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu cho biến đổi khí hậu (Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030
12	Truyền thông nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp và cộng đồng về thị trường các bon, các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon (Xây dựng chương trình tập huấn, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân về thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cơ sở giai đoạn 2023 - 2025)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030

13	Kiểm kê phát thải khí nhà kính và xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Quảng Bình	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030
14	Xây dựng và tổ chức thực hiện việc giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp ngành, cấp địa phương trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030
15	Điều tra, đánh giá môi trường biển và hải đảo tỉnh Quảng Bình	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030
16	Giám suy thoái rừng, trồng, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	Các sở, ban, ngành và địa phương	2023-2026
17	Điều tra, khảo sát, đánh giá và bảo tồn các loài động vật, thực vật quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	Các sở, ban, ngành và địa phương	2023-2026
18	Điều tra phân bố, đánh giá mức độ xâm hại và diệt trừ loài Bìm bìm hoa vàng tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	Các sở, ban, ngành và địa phương	2023-2027
19	Hợp tác liên biên giới với Vườn quốc gia Hin Nặm Nô, tỉnh Khăm Muộn - Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào để đánh giá mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương của hệ địa chất, hang động, đa dạng sinh học và hệ sinh thái vùng, đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động.	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	Các sở, ban, ngành và địa phương	2023-2030
20	Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới và Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp Bắc Đồng Hới.	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các sở, ban, ngành và địa phương	2023-2030
21	Xây dựng đầu tư, củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển đảm bảo chủ động phòng, chống lũ, bão theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và PTNT và địa phương	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2025-2030

22	Xây dựng và nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai tại những vùng thường xuyên xảy ra bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất	Sở Nông nghiệp và PTNT và địa phương	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2025-2030
23	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các dự án di dân khẩn cấp phòng, chống lũ lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông.	Sở Nông nghiệp và PTNT và địa phương	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2025-2030
24	Hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng thoát lũ theo thiết kế, trong đó ưu tiên nâng cấp các đập, hồ chứa nước có nguy cơ cao, lưu vực tập trung dòng chảy nhanh.	Sở Nông nghiệp và PTNT và địa phương	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2025-2030
25	Rà soát, đánh giá nhiệm vụ, quy trình vận hành của đập, hồ chứa nước, triển khai nạo vét bồi lắng lòng hồ, bảo đảm dung tích phòng lũ của hồ chứa theo thiết kế. Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo, cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến an toàn đập, hồ chứa nước.	Sở Nông nghiệp và PTNT và địa phương	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2025-2030
26	Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung quy mô lớn, đồng bộ, liên xã, liên huyện; kết nối với hệ thống cấp nước đô thị ở những nơi phù hợp để đảm bảo công trình hoạt động hiệu quả, bền vững	Sở Nông nghiệp và PTNT và địa phương	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2025-2030
27	Đầu tư xây dựng mới các hồ chứa thủy lợi đảm bảo trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập úng.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025-2030
28	Phối hợp đánh giá, điều tra mức độ tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống đô thị có nguy cơ tác động (<i>đô thị hiện có và đô thị dự kiến hình thành mới trong giai đoạn 2021-2030</i>)	Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 -2025
29	Tiếp nhận quản lý và khai thác sử dụng Atlas Đô thị và Khí hậu trên địa bàn tỉnh do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban giao	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025 - 2030

30	Chủ động phối hợp với các Bộ ngành Trung ương trong công tác điều tra, đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển hệ thống đô thị hiện có và đô thị dự kiến hình thành mới trong giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 -2025
31	Phối hợp xây dựng Atlas Đô thị và Khí hậu cho các đô thị chịu tác động mạnh	Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025 - 2030
32	Triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 1398/QĐ-TTg ngày 16/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ đối với lĩnh vực xây dựng trong đó bổ sung lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu vào quy hoạch xây dựng	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 -2025
33	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác lập và quản lý quy hoạch; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường vào quy hoạch xây dựng đảm bảo phát triển đô thị, nông thôn một cách hài hòa, bền vững	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025
34	Khảo sát, rà soát, lập danh mục các nguồn cung cấp nước quan trọng để có kế hoạch bảo vệ, khai thác và sử dụng có hiệu quả. Đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ, quản lý, phát triển nguồn cấp nước	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 -2025
35	Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ nước sạch đô thị và khu công nghiệp. Nâng cao tỉ lệ dân số được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành	2022 - 2030
36	Triển khai đồng bộ kế hoạch thực hiện nâng cấp đô thị trên địa bàn tỉnh; nâng cao tỷ lệ đô thị hóa, áp dụng mô hình thoát nước bền vững (SUDS) ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 -2030
37	Nghiên cứu đề xuất thực hiện thí điểm một số dự án phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thông minh, kiến trúc xanh thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Xây dựng và Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 -2030

38	Đề xuất thực hiện thí điểm đầu tư xây dựng các giải pháp kỹ thuật mới trong phòng chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất cho điểm dân cư có nguy cơ cao	Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 -2030
39	Ứng dụng công nghệ vật liệu mới, sử dụng các loại vật liệu bền vững, có tính chống chịu cao trong phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, kiến trúc xanh thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 -2030